

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày: 01-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng

dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Lê Bình Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Kim G, sinh ngày 18/5/1984. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo ủy quyền cho bà Phan Thị Kim G là ông Lê Chí T, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, tỉnh An Giang (Hợp đồng ủy quyền ngày 25/3/2025). Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1 Bà Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

2.2 Ông Dương Văn T1, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2025 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Kim G do ông Lê Chí T đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Giữa bà G và ông T1, bà P không rõ có mối quan hệ bà con họ hàng hay không. Ông T1 và bà P là vợ chồng. Ngày 23/12/2024 bà G cho vợ chồng ông T1 vay số tiền là 110.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả là ngày 07/01/2025, hai bên có làm Biên nhận mượn tiền ngày 23/12/2024, mục đích vay tiền để lo kinh tế chung trong gia đình, không thế chấp tài sản. Từ lúc vay tiền thì bà P, ông T1 không trả tiền lãi, tiền gốc cho bà G lần nào. Biên nhận mượn tiền chỉ có một mình bà P ký tên, ông T1 không có ký tên, là do lúc nhận tiền chỉ có bà P nhận, ông T1 không có cùng đi nhận tiền. Lý do bà G kiện bà P, ông Trung liên Đ trách nhiệm trả nợ là do mục đích vay tiền để làm vốn kinh doanh mở tiệm thuốc tây, lo chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, ông T1 là người quản lý, mua bán tiệm thuốc tây.

Nay bà G yêu cầu bà Võ Thị Ngọc P, ông Dương Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà G số tiền vay còn nợ 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn bà Võ Thị Ngọc P, ông Dương Văn T1 đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà P, ông T1 vẫn không có mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà G.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Kim G. Buộc bà Võ Thị P, ông Dương Văn Trung liên Đ trả tiền vay còn nợ 110.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim G yêu cầu bà Võ Thị Ngọc P, ông Dương Văn Trung liên Đ trả tiền vay còn nợ và ông T1, bà P hiện cư trú tại ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Võ Thị Ngọc P, ông Dương Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà P, ông T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Kim G do ông Lê Chí T đại diện theo ủy quyền, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà P, ông Trung liên Đ trả tiền vay gốc còn nợ 110.000.000đ. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà G đã xuất trình “Biên nhận nợ” ngày 23/12/2024 và cho rằng mục đích bà P vay tiền là để lo kinh tế, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Bị đơn bà Võ Thị Ngọc P, ông Dương Văn T1 đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà P, ông T1 không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bà G đưa ra nên bà G không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do bà P, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Võ Thị Ngọc P, ông Dương Văn Trung liên Đ trả cho bà Phan Thị Kim G tiền vay còn nợ 110.000.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa bà Phan Thị Kim G không yêu cầu bà Võ Thị Ngọc P, ông Dương Văn T1 trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị Ngọc P, ông Dương Văn T1 chịu 5.500.0000 đối với yêu cầu của của bà G được chấp nhận. Bà Phan Thị Kim G được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.750.000đ theo biên lai thu số 0014725 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự là phù hợp với quy định tại khoản 1

Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Kim G. Buộc bà Võ Thị Ngọc P, ông Dương Văn Trung liên Đ trả cho bà Phan Thị Kim G tiền vay còn nợ 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Buộc bà Võ Thị Ngọc P, ông Dương Văn Trung liên Đ chịu 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

2.2 Bà Phan Thị Kim G được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014725 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/8/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung